

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH D

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 04 tháng 02 năm 2025

Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H** – Sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Bị đơn: Anh **Đình Văn K** – Sinh năm: 1973; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đình Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đình Văn K thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung:* Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn K thống nhất có 02 con chung tên: Đinh Phạm Minh P, sinh ngày 03/3/2007 và Đinh Vũ Gia N, sinh ngày 07/5/2014. Khi ly hôn, chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn K thống nhất giao cháu Đinh Vũ Gia N, sinh ngày 07/5/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đinh Phạm Minh P, sinh ngày 03/3/2007 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn K thống nhất anh Đinh Văn K cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000^d/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 02/2025 cho đến khi cháu Nghĩa trưởng thành (tròn 18 tuổi).

2.4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung:* Chị Phạm Thị H và anh Đinh Văn K thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận giao:

2.4.1. 01 ngôi nhà và đất ở trên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 44, diện tích 144,5m², diện tích xây dựng 38,7m², tọa lạc tại tổ 24, phường Q, quận E, thành phố R, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: 33966, ngày 01 tháng 6 năm 2001 cho chị Phạm Thị H trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận thửa đất trên bản chính chị H đang quản lý) và 01 chiếc xe máy biển số: 77E1-668.37 cho chị Phạm Thị H trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (xe và giấy đăng ký xe chị H đang quản lý).

2.4.2. 01 ngôi nhà cất trên thửa đất số 484, tờ bản đồ số 32, diện tích 106,7m², tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh D, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS10296, ngày 06 tháng 7 năm 2023 cho anh Đinh Văn K trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận thửa đất trên bản chính anh K đang quản lý).

2.5. *Án phí HNST:* Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Đinh Văn K tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước nhưng chị H tự nguyện chịu thay cho anh K 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước và anh K đồng ý. Chị Phạm Thị H đã nộp 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005276 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện C nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho chị H (ba trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh D;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ